

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18 /2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh An Giang

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN:
Giới: S.....
Ngày: 13/4/2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số

69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ công văn số 61/HĐND-TT ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với việc ban hành chế độ miễn, giảm tiền thuê đất thực hiện xã hội hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 03 tháng 3 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

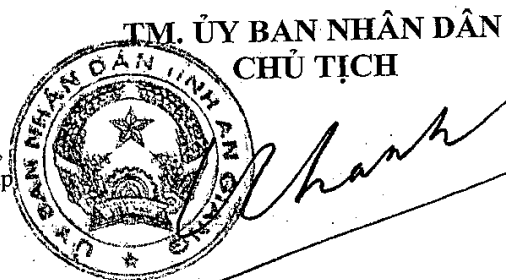
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng,
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp,
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
- Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, P.TH.



Vương Bình Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa
trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục
thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2016
của UBND tỉnh An Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa;

b) Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập có đủ điều kiện hưởng chính sách phát triển xã hội hóa theo Điều 3 của Quyết định này, phải đăng ký với cơ quan cấp phép hoạt động và cơ quan thuế để được hưởng các chính sách ưu đãi theo Quyết định này;

c) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo Luật Giám định tư pháp (Văn phòng giám định tư pháp).

d) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa nêu trên không đủ điều kiện hưởng chính sách phát triển xã hội hóa theo Điều 3 của Quyết định này thì chấm dứt được hưởng chính sách ưu đãi về xã hội hóa kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

4. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Việc áp dụng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thực hiện theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Điều kiện để cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giám định tư pháp được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa là cơ sở phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo văn bản do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

Điều 4. Cho thuê nhà, công trình xây dựng và đất đã có hạ tầng kỹ thuật

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa.

Căn cứ khả năng ngân sách, nhu cầu khuyến khích xã hội hóa và quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xây dựng mới một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa hoặc sử dụng quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có của đơn vị thuộc phạm vi quản lý để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn với giá ưu đãi để thực hiện các dự án trong lĩnh vực xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh.

2. Trường hợp ngân sách nhà nước không bố trí hoặc bố trí không đủ để đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa cho thuê; cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thì số tiền ứng trước được quy đổi ra số năm, số tháng đã hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa và được xác định theo quy định tại Điểm 2 Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC.

3. Giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa được hình thành trên cơ sở giá thuê tài sản trên đất và tiền thuê đất (nếu có) sau khi đã được ưu đãi (miễn, giảm) theo quy định, cụ thể:

3.1. Giá cho thuê tài sản trên đất (không bao gồm tiền thuê đất): tính bằng mức giá thuê tối thiểu được xác định theo nguyên tắc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản cho thuê và bù đắp chi phí bảo trì, bảo dưỡng theo hướng dẫn tại Điểm 3.2 Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

3.2. Tiền thuê đất:

a) Tiền thuê đất được xác định theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền

thuê đất, thuê mặt nước và Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh An Giang và được miễn, giảm theo quy định tại Điều 5 Quyết định này.

b) Đối với đất đã có hạ tầng kỹ thuật:

- Đối với quỹ đất công trình công cộng đã có hạ tầng kỹ thuật do các Chủ đầu tư dự án nhà ở đã bàn giao cho Nhà nước, sau đó Nhà nước cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê đất thực hiện dự án, thì khi xác định đơn giá thuê đất phải tính đến yếu tố đất đã hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật.

- Trường hợp khi xác định tiền thuê đất không xét đến yếu tố này hoặc trường hợp được miễn tiền thuê đất thì cơ sở thực hiện xã hội hóa phải nộp chi phí xây dựng hạ tầng, mức thu tính bằng giá thành đầu tư. Đơn vị quản lý hạ tầng có trách nhiệm xác định giá thành đầu tư cụ thể gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 5. Cho thuê đất

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm hoặc thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án xã hội hóa theo quy định của Luật Đất đai thì được xem xét miễn, giảm tiền thuê đất tùy theo khu vực; cụ thể như sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

Việc xử lý số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với đất thuê để xây dựng công trình xã hội hóa thực hiện theo quy định tại Điểm 5 Khoản 3 Thông tư số 156/2014/TT-BTC.

2. Đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị (trong giới hạn đô thị thuộc phường, thị trấn) được miễn, giảm tiền thuê đất như sau:

- a) Thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:

- Tại các địa bàn có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn (gồm các huyện: Tri Tôn, Tịnh Biên, An Phú, Thoại Sơn và thị xã Tân Châu): được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

- Tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (gồm các huyện: Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân): được giảm 50% tiền thuê đất.

- Tại địa bàn thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc: được giảm 30% tiền thuê đất.

b) Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

- Tại các địa bàn có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn (gồm các huyện: Tri Tôn, Tịnh Biên, An Phú, Thoại Sơn và thị xã Tân Châu): được miễn tiền thuê đất hàng năm.

- Tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (gồm các huyện: Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân) được miễn tiền thuê đất 11 năm (kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động) sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Tại địa bàn thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc: được miễn tiền thuê đất 07 năm (kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động) sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản: các cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản được thực hiện theo dự án gắn với việc Nhà nước cho thuê đất mới, chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất, không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh trên diện tích đất đang được Nhà nước cho thuê.

3. Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê đất thì không được hưởng ưu đãi về đất đai theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa mà phải chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai và được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được tính theo quy định tại Điểm 3 Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP và Điểm 3 Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC.

5. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký lựa chọn một địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa thì giao Sở chuyên ngành về xã hội hóa phối hợp với các Sở, Ngành liên quan thực hiện lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng cao nhất các tiêu chí về quy mô, chất lượng, hiệu quả theo quy định tại pháp luật về đấu thầu và pháp luật về đất đai.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện)

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, Ban, Ngành liên quan thẩm định giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa theo đề nghị của Sở chuyên ngành về xã hội hóa làm cơ sở cho Sở chuyên ngành trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa.

b) Định kỳ vào tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính; Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định Luật Đầu tư;

b) Hướng dẫn cơ sở xã hội hóa các nội dung liên quan đến lĩnh vực đầu tư theo Quyết định này và các quy định pháp luật liên quan.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan có trách nhiệm khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động xã hội hóa; khi xây dựng quy hoạch, quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển các khu đô thị mới, khu công nghiệp phải dành quỹ đất theo quy hoạch để đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

b) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt;

c) Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, xác nhận phần diện tích đất thực hiện dự án xã hội hóa; đôn đốc thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các khu đất quy hoạch để thực hiện dự án xã hội hóa theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt để giao nhà đầu tư thực hiện dự án;

d) Kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và việc cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các cơ sở thực hiện xã

hội hóa; đề xuất, theo dõi việc xử lý các cơ sở thực hiện xã hội hoá vi phạm pháp luật về đất đai trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Xây dựng:

Cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và cấp giấy phép quy hoạch khi chủ đầu tư có yêu cầu. Đồng thời, cập nhật danh mục, lộ trình xã hội hóa trong các hồ sơ khu vực phát triển đô thị để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, làm cơ sở kêu gọi xã hội hóa.

5. Các Sở chuyên ngành về xã hội hóa (Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa - Thể thao và du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp):

a) Chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý; hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký nội dung hoạt động, trình tự thủ tục thực hiện; kiểm tra giám sát hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

b) Hướng dẫn, xác định cơ sở xã hội hóa có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa đúng thẩm quyền và phù hợp với các quy định chuyên ngành theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg và Quyết định số 693/QĐ-TTg để Cục Thuế tỉnh thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo ngành, lĩnh vực và địa bàn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đất đai;

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan thực hiện lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng cao nhất các tiêu chí về quy mô, chất lượng, hiệu quả theo quy định tại pháp luật về đấu thầu và pháp luật về đất đai theo Khoản 4 Điều 5 Quyết định này;

đ) Định kỳ vào tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ quản lý ngành, Bộ Tài chính; các Sở chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa theo từng lĩnh vực gửi Bộ quản lý ngành; đồng gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính và gửi Cục Thống kê.

6. Cục Thuế:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở chuyên ngành về xã hội hóa có liên quan tiến hành giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí

đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa quy trình, thủ tục cấp mã số thuế; đăng ký thuế, kê khai thuế, thu thuế, miễn giảm thuế; hóa đơn, biên lai thu tiền; thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất và xem xét, quyết định miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định hiện hành;

c) Định kỳ vào tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành; tổng hợp báo cáo tình hình ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP theo quy định gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính.

7. Sở Tư pháp:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trước khi cho thuê đất theo quy hoạch cho cơ sở thực hiện xã hội hóa. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) đối với đất phục vụ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa do chủ đầu tư ứng trước;

b) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các địa điểm thực hiện xã hội hóa trên địa bàn quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Mục XII Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Tổ chức triển khai dự án bảo đảm đúng yêu cầu về tiến độ và đúng nội dung đã đăng ký, đã được phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án; trường hợp thực hiện chậm tiến độ hoặc không đầy đủ theo nội dung đã đăng ký thì tùy theo mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, xử lý thu hồi đất hoặc chấm dứt thực hiện chính sách ưu đãi theo quy định.

3. Thực hiện đầu tư dự án theo đúng nội dung dự án đã được phê duyệt và đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải sử dụng đất đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn thuê đất nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất hoặc bị giải thể hoặc chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất thuê cho Nhà nước; trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích thì Nhà nước sẽ thu hồi.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Thông tư số 135/2008/TT-BTC, Thông tư số 156/2014/TT-BTC và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vương Bình Thạnh

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200

201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300

301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400